

Số: 35/2021/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 16 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội; đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh Hà Giang được hưởng chính sách trợ giúp xã hội

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-BDT ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Giang, như sau:

1. Mức chuẩn trợ giúp xã hội là 380.000 đồng/tháng.
2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội là căn cứ xác định mức trợ cấp xã hội, mức hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng; mức trợ cấp nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội và các mức trợ giúp xã hội khác.

Điều 2. Mức trợ giúp xã hội:

1. Mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, cụ thể:

a) Mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng cho mỗi đối tượng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Điều 1 Nghị quyết này nhân với hệ số 6,5.

- Tiền ăn thêm ngày lễ, ngày tết bằng 04 lần tiền ăn ngày thường. Mỗi năm có 11 ngày, số ngày được tính, như sau:

- Đối với đối tượng là trẻ em, gồm: Tết Dương lịch (01 ngày); Tết Âm lịch (05 ngày); Ngày Chiến thắng 30/4 (01 ngày); Ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6 (01 ngày); Ngày Quốc khánh (02 ngày); Ngày tết Trung thu 15/8 âm lịch (01 ngày).

- Đối với đối tượng là người khuyết tật, gồm: Tết Dương lịch (01 ngày); Tết Âm lịch (05 ngày); Ngày người khuyết tật Việt Nam 18/4 (01 ngày); Ngày Chiến thắng 30/4 (01 ngày); Ngày Quốc khánh (02 ngày); Ngày Quốc tế người khuyết tật 3/12 (01 ngày).

- Đối với đối tượng là người cao tuổi, gồm: Tết Dương lịch (01 ngày); Tết Âm lịch (05 ngày); Ngày Chiến thắng 30/4 (01 ngày); Ngày người cao tuổi Việt Nam 6/6 (01 ngày); Ngày Quốc khánh (02 ngày); Ngày Quốc tế người cao tuổi 1/10 (01 ngày).

b) Hỗ trợ chi phí mai táng khi chết bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Điều 1 Nghị quyết này. Trường hợp chi phí thực tế vượt mức quy định, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Mức trợ giúp xã hội khác không quy định tại Nghị quyết này được áp dụng bằng mức hỗ trợ hoặc mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 3. Quy định đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Hà Giang chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, cụ thể:

1. Đối tượng:

a) Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng;

- Cả cha và mẹ đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng;

- Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng;

- Cha hoặc mẹ đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, hoặc trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

b) Người thuộc diện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng mà đủ 16 tuổi nhưng đang học văn hóa, học nghề, trung học

chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất thì tiếp tục được hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi.

c) Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc diện quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đang sống tại địa bàn không thuộc xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn.

d) Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đang sống tại địa bàn không thuộc xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn.

2. Chính sách trợ giúp xã hội: Các đối tượng quy định tại Khoản 1 điều này được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Điều 1 Nghị quyết này nhân với hệ số 1,0; các chính sách trợ giúp xã hội khác được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Kỳ họp thứ Hai, Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khoá XVIII thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 26 tháng 7 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTWQH;
- Các Bộ: Lao động - TBXH, Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy; HĐND; UBND; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh khóa XV;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang, Đài PTTH tỉnh; Công TTĐT;
- TT Công báo - tin học tỉnh; Vnptioffice;
- Lưu: VT; HĐND (1b)



Thào Hồng Sơn